

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 32/2019/DS-PT

Ngày 27/5/2019

“V/v tranh chấp QSD đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: NLQ3rnh Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: NLQ3rân Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐXX-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Hoàng Thị X, sinh năm 1922; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 313 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định (đã chết ngày 30/01/2018 theo trích lục khai tử ngày 06/02/2018 của UBND phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Hoàng Thị X:* NLQ3, sinh năm 1956; Nơi cư trú tại số 11 ngõ A, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1963.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960.

Đều cư trú tại số 311 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1938; địa chỉ đăng ký hộ khẩu tại số 16 đường Nguyễn Văn H, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú tại số 1B/59 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. NLQ2, sinh năm 1941; Nơi cư trú tại số 42 (B42) dãy thấp tầng 2 (TT2) khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

3. NLQ3, sinh năm 1956; Nơi cư trú tại số 11 ngõ A, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3:*

Bà Doãn Thị H, sinh năm 1963; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, quận T, thành phố H. Nơi cư trú tại số 11 ngõ A, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 26-3-2018)

(Tại phiên tòa NLQ2 vắng mặt, còn các đương sự khác đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-11-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là cụ Hoàng Thị X (đã chết ngày 30-01-2018 theo trích lục khai tử ngày 06/02/2018 của UBND phường B), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ X đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ3 trình bày:

Cụ Ninh Văn Phúc, chết năm 1988 có ba người vợ là cụ Phạm Thị Điệp, chết năm 1952, cụ Ngô Thị Bích Liên, chết năm 1957 và cụ Hoàng Thị X chết tháng 1-2018.

Giữa cụ Ninh Văn Phúc và cụ Phạm Thị Điệp có 2 con chung là NLQ1 và NLQ2; giữa cụ Phúc và cụ Liên có 2 con chung là ông Ninh Quang Đức đã hi sinh năm 1972, không có vợ con và NLQ3. Giữa cụ Phúc và cụ X không có con chung, cụ X đã nuôi dưỡng ông Đức và NLQ3 từ khi kết hôn với cụ Phúc.

Khi cụ Phúc và cụ X còn là vợ chồng có mua căn nhà trên thửa đất 80,43m² tại địa chỉ 313 đường T, phường Bà, thành phố Nam Định. Năm 1973 cụ Phúc và cụ X ly hôn, về nhà đất chung của vợ chồng được Tòa án chia đôi mỗi người được sử dụng một nửa. Tại biên bản chia cắt đất và nhà tư vào ngày 10-7-1974 xác định cụ Phúc được sở hữu thửa 73 lô A có diện tích 26,59m² còn cụ X được sở hữu thửa 73 lô B có diện tích 26,59m², còn sân sau là thửa 73 lô C có diện tích 27,25m² mỗi người một nửa nhưng hai cụ sử dụng chung. Các cụ đã xây bức tường trên thửa 73 lô B của cụ X để ngăn giữa lô A và lô B của thửa 73. Năm 1988 cụ Phúc qua đời, NLQ1, NLQ2 và NLQ3 lập bản di chúc chia nhà có xác nhận chữ ký của UBND phường B xác định phần di sản thừa kế của cụ Phúc đối với mỗi người con. Khoảng năm 2000 NLQ1 và NLQ2 đã bán phần di sản

thừa kế của mình cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P và đã bán cả phần di sản thừa kế của NLQ3 là $7m^2$ tầng hai trở lên trong phần đất của cụ Phúc cho ông H bà P mà NLQ3 không biết.

Khi cụ X ủy quyền cho NLQ3 và bà Doãn Thị H đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 73 lô B thì bà Phạm Thị P nhận bức tường xây ngăn giữa hai lô A và lô B của thửa 73 là tường chung nên cụ X không làm được sổ đỏ, cụ X cho rằng trên sơ đồ kỹ thuật thửa đất diện tích của cụ chỉ có $36,2m^2$ thiếu $4,015m^2$.

Ngày 03-11-2017 cụ Hoàng Thị X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nam Định:

- + Buộc ông H và bà P xác nhận ranh giới giữa lô A và lô B của thửa 73, công nhận $1,195m^2$ đất và khoảng khNLQ3ương ứng giữa tâm đường của NLQ3 và tường nhà ông H bà P thuộc quyền sử dụng của NLQ3 để ông có căn cứ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- + Buộc ông H và bà P trả lại $2,82m^2$ đất thuộc lô B thửa 73 và khoảng khNLQ3ương ứng;

- + Buộc ông H và bà P trả lại $2,28m^2 : 2 = 1,14m^2$ đất là nửa diện tích thuộc phần cuối lô C (nhà vệ sinh) và khoảng khNLQ3ương ứng.

- + Buộc ông H và bà P trả lại $7m^2$ đất từ tầng 2 trở lên. Trong trường hợp ông H bà P khNLQ3 trả lại đất thì yêu cầu Tòa án xét xử hủy Hợp đồng mua bán nhà đất giữa NLQ1, NLQ2 và ông H bà P.

Ngày 20-5-2018 tại giấy phản hồi về nhà đất của ông H bà P NLQ3 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H bà P tại địa chỉ 313 Trần Hưng Đạo, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại đơn đề nghị ngày 08-10-2018 và tại phiên hòa giải ngày 15-10-2018 ông chỉ yêu cầu Tòa án xác định ông H và bà P đã xây hết phần diện tích đất thuộc lô A thửa 73 của bà P và ông H nên toàn bộ phần diện tích đất còn lại thuộc lô B thửa 73 là $27m^2$ trong đó có bức tường có chiều dài là $6,23m$ và chiều rộng là $0,24m$ (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 12-9-2018) là của cụ Hoàng Thị X và rút toàn bộ các yêu cầu khởi kiện khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn là bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H trình bày:

Vợ chồng ông bà mua nhà đất của ông Ninh CNLQ1 và NLQ2 tại địa chỉ 313 đường T, phường B, thành phố Nam Định từ năm 2001, diện tích cụ thể bao nhiêu không nhớ chính xác vì đã quá lâu rồi. Giữa hai bên có viết giấy

chuyển nhượng và làm thủ tục công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật hay không ông bà không nhớ rõ. Khi chuyển nhượng NLQ1 và NLQ2 có xác định vị trí cụ thể nhà đất cho vợ chồng ông bà, đối với bức tường giáp ranh giữa nhà đất cụ X và nhà đất của ông bà mua của NLQ1 NLQ2 thì hai ông nói đó là bức tường chung của hai nhà, NLQ1 có xây thụt vào để làm chỗ để đồ. Đối với diện tích đất 7m² phần gác và khoảng không trên đó (một phía giáp Tùng, một phía giáp cụ X), bếp ở bên cạnh mặt giếng khi vợ chồng ông bà mua nhà đất của NLQ1 NLQ2 thì diện tích đó vẫn có và hiện tại bây giờ vẫn còn, nó nằm ở vị trí tiếp giáp với lô B thửa 73 của cụ X. Chính vì vậy khi mua nhà đất NLQ1 NLQ2 không đề cập gì với vợ chồng ông bà về diện tích đất này.

Khi mua nhà đất NLQ1 và NLQ2 có đưa cho ông bà bản sao di chúc chia nhà của cụ Phúc hay không ông bà không nhớ vì hiện tại tất cả các giấy tờ ông bà đã nộp tại Văn phòng đăng ký và thNLQ3in nhà đất thành phố Nam Định để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì ông bà cũng là hàng xóm liền kề nên biết rõ về nguồn gốc nhà đất mua là đất của gia đình NLQ1 NLQ2 được chia nên ông bà mới mua. Khoảng 2011 gia đình cụ X có ký giáp ranh để ông bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể ai ký không nhớ rõ vì hồ sơ đã gửi lên văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất. Vào năm 2013 gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với diện tích là 28,8m², nhà đất mang tên Phạm Văn H và Phạm Thị P.

Vợ chồng ông bà mua nhà đất vào năm 2001 đến năm 2002 thì có phá nhà cũ đi xây lại toàn bộ. Khi ông bà xây nhà NLQ1 mới dọn nhà đi và vẫn còn xác nhận với ông bà bức tường giữa nhà đất mua và nhà đất của cụ X là bức tường chung. Trong quá trình xây gia đình ông bà đã xây thụt vào diện tích đất đã mua mà không đục một nửa bức tường chung vì sợ ảnh hưởng đến nhà đất cụ X. Chính vì vậy hiện trạng nhà đất bây giờ vẫn còn bức tường chung giữa hai nhà, bức tường đó nằm trên lô B thửa 73 của cụ X.

Ông nhất trí với sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, chiều dài chiều rộng của bức tường đã được đo đạc thẩm định ngày 12-9-2018. Ông xác định bức tường có chiều dài là 6,23m và chiều rộng là 0,24m theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày là bức tường chung giữa nhà ông bà và nhà đất của cụ Hoàng Thị X, ông không đồng ý với quan điểm của NLQ3 cho rằng bức tường đó là bức tường của cụ Hoàng Thị X.

Đối với việc NLQ3 rút một phần yêu cầu khởi kiện ông không có ý kiến gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị ngày 10-04-2018 NLQ1 có quan điểm trình bày ông đã bán nhà đất cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P nên không còn liên quan gì đến nhà đất tại địa chỉ 313 Trần Hưng Đạo, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

của pháp luật và ông xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Tại biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân quận Hà Đông thành phố Hà Nội, NLQ2 trình bày như sau: ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hoạt động tố tụng của Tòa và xét xử vụ án vắng mặt ông. Ông sẽ gửi văn bản thể hiện quan điểm về Tòa án nhân dân thành phố Nam Định sau.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của TAND thành phố Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 74, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Hoàng Thị X, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Hoàng Thị X là NLQ3.

Xác định thửa đất 73 lô B cũ (nay là một phần của thửa 109 tờ bản đồ số 8) tại địa chỉ số 313 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định có diện tích là 27m² (hai mươi bảy mét vuông) trong đó bức tường có chiều dài là 6,23m (sáu phẩy hai mươi ba mét) và chiều rộng là 0,24m (không phẩy hai mươi tư mét) liền kề với thửa 73 lô A cũ (nay là thửa 108 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ 313 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P) thuộc quyền sở hữu của cụ Hoàng Thị X (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2018, bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của TAND thành phố Nam Định. Đề nghị cấp phúc thẩm xác định bức tường tranh chấp hiện nay là bức tường chung của hai gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

NLQ1 có lời khai cho biết bức tường hiện nay đang xảy ra tranh chấp là bức tường chung của hai gia đình cụ X và cụ Phúc.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố

tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị P và ông Phạm Văn H Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy nguồn gốc bức tường tranh chấp được cụ Ninh Văn Phúc và cụ Hoàng Thị X xây dựng từ năm 1973 khi các cụ ly hôn. Mục đích của việc xây bức tường để làm ranh giới phân chia quyền sở hữu nhà đất giữa lô A thửa 73 có diện tích là 26,59m² của cụ Phúc và lô B thửa 73 có diện tích là 26,59m² của cụ X theo bản án số 57 ngày 30-5-1973 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà. Tại biên bản chia đất và nhà vào ngày 09 tháng 11 năm 1973 đã xác định lô B thửa 73 của cụ Hoàng Thị X có chiều rộng kể cả tường là 3,38m chiều dài là 7,85m. Việc phân chia nhà đất trên được thực hiện có sự tham gia của cán bộ Tòa án thành phố, các cơ quan chuyên môn và có sự chứng kiến của cụ Phúc, cụ X (BL số 29,30). Từ sau thời điểm đó cho đến nay các cụ đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Theo lời trình bày của các đương sự thì nhà cụ X vẫn như cũ chưa sửa chữa xây dựng gì còn ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P sau khi mua nhà đất thuộc lô A thửa 73 đã phá đi xây lại nhà kiên cố vào năm 2002. Khi xây dựng ông H và bà P đã xây tường nhà bên cạnh bức tường đang tranh chấp nên hiện nay bức tường tranh chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng ban đầu. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Hoàng Thị X sau này là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là NLQ3, là có căn cứ.

- Đối với quan điểm của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P xác định bức tường đang tranh chấp là bức tường chung giữa nhà ông bà và cụ Hoàng Thị X, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 10 tháng 01 năm 1989 khi cụ Ninh Văn Phúc còn sống đã lập bản di chúc chia nhà - cho quyền sở hữu cho các con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, bản di chúc này có xác nhận của UBND phường B thành phố Nam Định. Nội dung bản di chúc đã xác định phần di sản thừa kế của cụ Ninh Văn Phúc đối với từng người con; ngoài ra trong di chúc có nêu về tình trạng nhà trước khi chia cụ thể như sau “*Diện tích theo bản đồ trừ đi bản tường xây*

chung ngăn đôi giữa tôi và bà Hoàng Thị X”, như vậy theo nội dung của di chúc về tình trạng nhà trước khi chia có thể hiểu trong diện tích đất mà cụ Phúc chia cho các con, không bao gồm bản tường xây chung. Mặt khác, khi mua nhà đất, cũng như hiện nay ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P chỉ căn cứ vào lời nói của NLQ1 và NLQ2 để xác định bức tường tranh chấp là bức tường chung là không có cơ sở pháp lý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Án phí:

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P phải nộp trong vụ án này là 300.000 đồng (Mức án phí đối với vụ án không có giá ngạch). Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông H bà P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.495.200 đồng là chưa chính xác. Vì vậy cấp phúc thẩm sửa lại nội dung này.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án sơ thẩm về án phí

Căn cứ khoản 1 Điều 74, Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 175, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Hoàng Thị X, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Hoàng Thị X là NLQ3.

Xác định thửa đất 73 lô B cũ (nay là một phần của thửa 109 tờ bản đồ số 8) tại địa chỉ số 313 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định có diện tích là 27m² (hai mươi bảy mét vuông) trong đó bức tường có chiều dài là 6,23m

(sáu phẩy hai mươi ba mét) và chiều rộng là 0,24m (không phẩy hai mươi tư mét) liền kề với thửa 73 lô A cũ (nay là thửa 108 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ 313 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P) thuộc quyền sở hữu của cụ Hoàng Thị X (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P phải hoàn trả cho NLQ3 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc số tiền là 5.647.000đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; số tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị P đã nộp theo biên lai thu số 0000395 ngày 14/12/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tp Nam Định;
- VKSND tp Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam